

Số: 2089 /TTr - UBND

Nha Trang, ngày 20 tháng 3 năm 2024

TỜ TRÌNH

**V/v Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn
giai đoạn 2021 – 2025 tại Nghị quyết số 162/NQ-HĐND ngày 19/12/2023**

Kính gửi: HĐND thành phố Nha Trang.

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2014/QH14 ngày 13/6/2019;
Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ
Quy định chi tiết một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 131/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND
tỉnh về Kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 358/QĐ-UBND ngày 01/02/2024 của UBND
tỉnh Khánh Hòa v/v bổ sung có mục tiêu cho ngân sách thành phố Nha
Trang năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 162/NQ-HĐND ngày 19/12/2023 của HĐND
thành phố v/v Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm
2021 – 2025.

Căn cứ Nghị quyết số 143/NQ-HĐND ngày 19/12/2023 của HĐND
thành phố Nha Trang về kế hoạch đầu tư công năm 2024;

Căn cứ Thông báo số 1036-TB/TU ngày 12/3/2024, Kết luận của Ban
Thường vụ Thành ủy cho ý kiến về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư
công;

Nhằm đẩy nhanh tiến độ, đảm bảo thủ tục thực hiện và phân bổ vốn
theo quy định Luật Đầu tư công, UBND thành phố trình HĐND thành phố
điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 – 2025,
cụ thể như sau:

I, Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025:

Căn cứ Nghị quyết số 162/NQ-HĐND ngày 19/12/2023 của HĐND
thành phố v/v Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm
2021 – 2025.

1, Tổng kế hoạch vốn	: 2.800.000 triệu đồng
2, Đã bố trí	: 2.604.771 triệu đồng
3, Dự phòng chi	: 195.229 triệu đồng
- Vốn phân cấp	: 155.493 triệu đồng
- Tiền SDB các năm	: 39.736 triệu đồng

**II, Đề nghị điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn
giai đoạn 2021-2025:**

Trên cơ sở rà soát nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách năm 2022
còn dư; nguồn ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu; các dự án đã được
HĐND thành phố phê duyệt chủ trương đầu tư tháng 12/2023 chưa bổ sung



trong kế hoạch trung hạn; tiến độ triển khai thực hiện các dự án; nhằm đảm bảo thủ tục thực hiện và phân bổ vốn theo quy định Luật Đầu tư công, UBND thành phố kính trình điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 – 2025, cụ thể như sau:

1, Điều chỉnh vốn, cơ cấu vốn đã bố trí tại Nghị quyết số 162/NQ-HĐND:

1,1, Điều chỉnh dự án Trụ sở làm việc UBND phường Vĩnh Hải; Nâng cấp, cải tạo dải phân cách đường Trần Phú (đoạn từ cầu Trần Phú đến Hoàng Diệu); Mua sắm thiết bị dạy học tối thiểu lớp 2 - 9 phục vụ chương trình giáo dục phổ thông của thành phố (giai đoạn 1: lớp 3 và lớp 7); Kè chống sạt lở khu vực chân núi chùa Kỳ Viên; Trồng cây xanh dải phân cách đường vành đai 2 - Nhánh phía Nam:

Số TT	Tên dự án	Đã phê duyệt tại Nghị quyết 162/NQ-HĐND			Điều chỉnh			Sau điều chỉnh		
		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:	
			Vốn phân cấp	Tiền SDD các năm		Vốn phân cấp	Tiền SDD các năm		Vốn phân cấp	Tiền SDD các năm
a	b	1=2+3	2	3	4+5+6	5	6	7=1+4	8	9
TỔNG SỐ		46.375	42.835	3.540	0	-39.736	+39.736	46.375	3.099	43.276
1	Xây dựng mới trụ sở làm việc UBND phường Vĩnh Hải	5.331	5.331		1.000	-5.000	+6.000	6.331	331	6.000
2	Kè chống sạt lở khu vực chân núi chùa Kỳ Viên	8.540	5.000	3.540	909	-2.232	+3.141	9.449	2.768	6.681
3	Mua sắm thiết bị dạy học tối thiểu lớp 2 - 9 phục vụ chương trình giáo dục phổ thông của thành phố (giai đoạn 1: lớp 3 và lớp 7)	18.444	18.444		-344	-18.444	+18.100	18.100		18.100
4	Nâng cấp, cải tạo dải phân cách đường Trần Phú (đoạn từ cầu Trần Phú đến Hoàng Diệu)	14.060	14.060		-1.565	-14.060	+12.495	12.495		12.495

Nguyên nhân điều chỉnh:

- Chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho dự án Trụ sở làm việc UBND phường Vĩnh Hải; Kè chống sạt lở khu vực chân núi chùa Kỳ Viên.

- Phù hợp với nhu cầu vốn, tiến độ thực hiện dự án Nâng cấp, cải tạo dải phân cách đường Trần Phú (đoạn từ cầu Trần Phú đến Hoàng Diệu); Mua sắm thiết bị dạy học tối thiểu lớp 2 - 9 phục vụ chương trình giáo dục phổ thông của thành phố (giai đoạn 1: lớp 3 và lớp 7).

1.2, Điều chỉnh dự phòng chi:

DVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Đã phê duyệt tại Nghị quyết 162/NQ-HĐND	Điều chỉnh	Sau điều chỉnh
	Dự phòng chi	195.229	0	195.229
1	Vốn phân cấp	155.493	+39.736	195.229
2	Tiền SDD các năm	39.736	-39.736	0

Nguyên nhân điều chỉnh:

- Bố trí vốn cho các dự án điều chỉnh trên.
- Dự kiến số vốn hụt thu ngân sách.

1.3, Đối với dự án Trồng cây xanh dải phân cách đường vành đai 2 - Nhánh phía Nam, dự kiến ban đầu ngân sách tỉnh quản lý (giải ngân cấp tỉnh).

Theo Quyết định số 358/QĐ-UBND ngày 01/02/2024 của UBND tỉnh Khánh Hòa, thì dự án trên giải ngân cấp huyện.

Vì vậy, điều chỉnh từ “ngân sách tỉnh quản lý” thành “ngân sách thành phố quản lý”.

2, Bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025:

Bổ sung vốn (+) 56.405 triệu đồng, từ nguồn tăng thu tiết kiệm chi năm 2022 còn dư, bố trí chi đầu tư cho 17 dự án đã được HĐND thành phố phê duyệt chủ trương đầu tư.

3, Ngoài các nội dung điều chỉnh, bổ sung trên, các nội dung khác tại Nghị quyết số 162/NQ-HĐND ngày 19/12/2023 không thay đổi.

III, Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung:

- 1, Tổng kế hoạch vốn : 2.871.304 triệu đồng
- 2, Đã bố trí : 2.676.075 triệu đồng
- 3, Dự phòng chi : 195.229 triệu đồng
- Vốn phân cấp : 195.229 triệu đồng

IV. Phụ lục đính kèm:

- Phụ lục 1: Tổng hợp điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025.

- Phụ lục 2: Chi tiết danh mục dự án điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

UBND thành phố kính trình HĐND thành phố xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT Thành ủy - HĐND TP;
- Các đại biểu HĐND TP;
- Các thành viên UBND TP;
- Các phòng, ban;
- Chánh, Phó VPTH;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Sỹ Khánh

PHỤ LỤC 01

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Tờ trình số 2089 /TTr-UBND ngày 20/4/2024 của UBND thành phố Nha Trang)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 (theo Nghị quyết số 162/NQ-HĐND ngày 19/12/2023)	Điều chỉnh, bổ sung	Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 -2025 (sau điều chỉnh)
A	B	1	2	3=1+2
	Tổng cộng	2.800.000	71.304	2.871.304
I	Nguồn vốn tỉnh phân cấp	1.742.486		1.742.486
1	Nguồn Vốn XDCB tập trung	576.878		576.878
-	Phân cấp ngân sách xã	54.936		54.936
-	Ngân sách thành phố quản lý	521.942		521.942
2	Nguồn Vốn thu tiền SDD	1.138.958		1.138.958
-	Phân cấp ngân sách xã	102.180		102.180
-	Ngân sách thành phố quản lý	1.036.778		1.036.778
3	Nguồn 10% tiền Sử dụng đất	26.650		26.650
II	Nguồn vốn tỉnh bổ sung	49.464	14.899	64.363
III	Nguồn thu tiền SDD các năm	780.722		780.722
IV	Nguồn tăng thu tiền SDD năm 2022 (gồm 10%)	177.328		177.328
V	Nguồn đóng góp	50.000		50.000
VI	Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi năm 2022	0	56.405	56.405

PHỤ LỤC 02
CHI TIẾT DANH MỤC DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025
(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày / /2024 của UBND thành phố Nha Trang)

Số TT	Tên dự án đầu tư, chương trình, lĩnh vực	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Chủ trương	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 tại Nghị quyết số 162/NQ-HĐND ngày 19/12/2023					Điều chỉnh, bổ sung					Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 (sau điều chỉnh, bổ sung)					Ghi chú			
					Tổng số	NS tính quản lý	NS thành phố quản lý	Trong đó:		NS tính quản lý	NS thành phố quản lý	Vốn phân cấp	Tiền SDD các năm	Tăng thu, tiết kiệm chi năm 2022	Vốn tính bổ sung có mục tiêu	Tổng số	NS tính quản lý	NS thành phố quản lý	Trong đó:		Tăng thu, tiết kiệm chi năm 2022	Vốn tính bổ sung có mục tiêu	
								Vốn phân cấp	Tiền SDD các năm										Vốn phân cấp				Tiền SDD các năm
a	b	1	2	3	4=5+6	5	6=7+8	7	8	9	10=11+12+13+14	11	12	13	14	15	16	17=18+19+20	18	19	20	21	
TỔNG SỐ					256.503	14.899	241.604	198.328	43.276	-14.899	71.304			56.405	14.899	312.908		312.908	198.328	43.276	56.405	14.899	
A	DỰ ÁN ĐÃ BỎ TRÍ TẠI NGHỊ QUYẾT 162/NQ-HĐND				61.274	14.899	46.375	42.835	3.540	-14.899	14.899	-39.736	39.736		14.899	61.274		61.274	3.099	43.276		14.899	
	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội				5.331		5.331	5.331			1.000	-5.000	6.000			6.331		6.331	331	6.000			
1	Xây dựng môi trường làm việc UBND phường Vinh Hải	Phường Vinh Hải	Ban QLDA các CTXD Nha Trang	NQ 16; 31/7/2019	5.331		5.331	5.331			1.000	-5.000	6.000			6.331		6.331	331	6.000			Chi bồi thường, giải tỏa
	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản				8.540		8.540	5.000	3.540		909	-2.232	3.141			9.449		9.449	2.768	6.681			
2	Kê chống sạt lở khu vực chân núi chùa Kỳ Viên	Phường Vĩnh Phước	Ban QLDA các CTXD Nha Trang	QĐ 1776; 05/7/2018	8.540		8.540	5.000	3.540		909	-2.232	3.141			9.449		9.449	2.768	6.681			Chi bồi thường, giải tỏa
	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp				18.444		18.444	18.444			-344	-18.444	18.100			18.100		18.100		18.100			
3	Mua sắm thiết bị dạy học tối thiểu lớp 2 - 9 phục vụ chương trình giáo dục phổ thông của thành phố (giai đoạn 1: lớp 3 và lớp 7)	TP Nha Trang	Phòng GD&ĐT	TB 905-TB/TU; 20/10/2023	18.444		18.444	18.444			-344	-18.444	18.100			18.100		18.100		18.100			
	Giao thông				28.959	14.899	14.060	14.060		-14.899	13.334	-14.060	12.495		14.899	27.394		27.394		12.495		14.899	
4	Trồng cây xanh dải phân cách đường vành đai 2 - Nhánh phía Nam	Phường Phước Hải	Ban QLDA các CTXD Nha Trang	NQ 135 07/12/2023	14.899	14.899				-14.899	14.899				14.899	14.899		14.899					14.899
5	Nâng cấp, cải tạo dải phân cách đường Trần Phú (đoạn từ cầu Trần Phú đến Hoàng Diệu)	Thành phố Nha Trang	Ban QLDV Công ích Nha Trang	NQ 96 31/10/2023	14.060		14.060	14.060			-1.565	-14.060	12.495			12.495		12.495		12.495			
B	DỰ ÁN MỚI BỔ SUNG										56.405			56.405	56.405		56.405				56.405		
	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp										14.294			14.294	14.294		14.294				14.294		
1	Trường Tiểu học Phước Hải 3 - Hàng mục: Sửa chữa nhà vệ sinh, tường rào, mua sắm trang thiết bị nhà đa năng	Phường Phước Hải	Phòng GD&ĐT	NQ 150; 19/12/2023							1.996			1.996	1.996		1.996				1.996		
2	Trường Mầm non Hồng Bàng - Hàng mục: Sửa chữa khối phòng học, cổng, tường rào, trang bị thiết bị PCCC	Thành phố Nha Trang	Phòng GD&ĐT	NQ 152; 19/12/2023							1.219			1.219	1.219		1.219				1.219		
3	Trường Mầm non Lý Tư Trọng - Hàng mục: Sửa chữa khối phòng học, phòng hành chính, sân đón; nâng cấp sân trường	Phường Lộc Thọ	Phòng GD&ĐT	NQ 158; 19/12/2023							1.227			1.227	1.227		1.227				1.227		
4	Trường Mầm non Vĩnh Nguyên (điểm Tây Sơn) - Hàng mục: Sửa chữa khối phòng học; nâng cấp, mở rộng bếp ăn bán trú kèm trang thiết bị đồng bộ	Phường Vĩnh Nguyên	Phòng GD&ĐT	NQ 157; 19/12/2023							1.646			1.646	1.646		1.646				1.646		
5	Trường Tiểu học Vĩnh Phước 2 (điểm Trường Tô) - Hàng mục: Sửa chữa khối phòng học, nhà vệ sinh, cổng, tường rào; nâng cấp sân trường	Phường Vĩnh Phước	Phòng GD&ĐT	NQ 151; 19/12/2023							2.496			2.496	2.496		2.496				2.496		
6	Trường Tiểu học Phước Đông (điểm Phước Hạ) - Hàng mục: Sửa chữa khối phòng học, nhà vệ sinh, cổng; giải quyết thoát nước sân trường	Xã Phước Đông	Phòng GD&ĐT	NQ 159; 19/12/2023							1.212			1.212	1.212		1.212				1.212		
7	Trường THCS Lê Thanh Liêm - Hàng mục: Sửa chữa khối hành chính, khối phòng học; nâng cấp sân trường	Xã Phước Đông	Phòng GD&ĐT	NQ 153; 19/12/2023							4.498			4.498	4.498		4.498				4.498		

Số TT	Tên dự án đầu tư, chương trình, lĩnh vực	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Chủ trương	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 tại Nghị quyết số 162/NQ-HĐND ngày 19/12/2023					Điều chỉnh, bổ sung					Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 (sau điều chỉnh, bổ sung)					Ghi chú			
					Tổng số	NS tính quản lý	NS thành phố quản lý	Trong đó:		NS tính quản lý	NS thành phố quản lý	Trong đó:			Tổng số	NS tính quản lý	NS thành phố quản lý	Trong đó:					
								Vốn phân cấp	Tiền SDD các năm			Vốn phân cấp	Tiền SDD các năm	Tăng thu, tiết kiệm chi năm 2022				Vốn tính bổ sung có mục tiêu	Vốn phân cấp		Tiền SDD các năm	Tăng thu, tiết kiệm chi năm 2022	Vốn tính bổ sung có mục tiêu
a	b	1	2	3	4=5+6	5	6=7+8	7	8	9	10=11+12+13+14	11	12	13	14	15	16	17=18+19+20	18	19	20	21	
	TỔNG SỐ				256.503	14.899	241.604	198.328	43.276	-14.899	71.304			56.405	14.899	312.908		312.908	198.328	43.276	56.405	14.899	
	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội										1.301			1.301		1.301		1.301			1.301		
8	Sửa chữa, cải tạo trụ sở làm việc Hội Chữ thập đỏ thành phố Nha Trang	Thành phố Nha Trang	Hội chữ Thập đỏ Nha Trang	NQ 144; 19/12/2023							1.301			1.301		1.301		1.301			1.301		
	Y tế, dân số và gia đình										2.532			2.532		2.532		2.532			2.532		
9	Sửa chữa, cải tạo Trạm y tế phường Vạn Thạnh	Phường Vạn Thạnh	Trung tâm Y tế	NQ 148; 19/12/2023							1.292			1.292		1.292		1.292			1.292		
10	Xây dựng sân nền, cổng, tường rào, nhà xe Trạm y tế phường Ngọc Hiệp	Phường Ngọc Hiệp	Trung tâm Y tế	NQ 149; 19/12/2023							1.240			1.240		1.240		1.240			1.240		
4	Công trình công cộng, hạ tầng kỹ thuật										14.122			14.122		14.122		14.122			14.122		
11	Nâng cấp, sửa chữa cơ sở hạ tầng khu dân cư A-T, phường Vĩnh Hải	Phường Vĩnh Hải	UBND phường Vĩnh Hải	NQ 156; 19/12/2023							14.122			14.122		14.122		14.122			14.122		
5	Cấp nước, thoát nước										6.823			6.823		6.823		6.823			6.823		
12	Hệ thống tuyến cống cấp 3 thoát nước thải trên địa bàn phường Vĩnh Trường	Phường Vĩnh Trường	UBND phường Vĩnh Trường	NQ 155; 19/12/2023							6.823			6.823		6.823		6.823			6.823		
6	Giao thông										17.333			17.333		17.333		17.333			17.333		
13	Nâng cấp, mở rộng đường Phong Châu (đoạn từ khu đô thị Ven Sông Tắc đến Lăng biệt thự sinh thái Giảng Hương)	Xã Vĩnh Thái	Phòng QLĐT	NQ 147; 19/12/2023							3.500			3.500		3.500		3.500			3.500		
14	Nâng cấp hè số 10 đường Nguyễn Thiện Thuật	Phường Tân Lập	UBND phường Tân Lập	NQ 146; 19/12/2023							3.000			3.000		3.000		3.000			3.000		
15	Nâng cấp hè số 8 đường Nguyễn Thiện Thuật	Phường Tân Lập	UBND phường Tân Lập	NQ 145; 19/12/2023							3.000			3.000		3.000		3.000			3.000		
16	Nâng cấp vỉa hè, hệ thống chiếu sáng công viên bờ biển đường Phạm Văn Đồng (từ phía Bắc cầu Trần Phú đến đường Tôn Thất Tùng)	Thành phố Nha Trang	Ban QLDV Công ích Nha Trang	NQ 137; 07/12/2023							7.163			7.163		7.163		7.163			7.163		
17	Nâng cấp hè 1329 đường 23/10 xã Vĩnh Trung	Xã Vĩnh Trung	UBND xã Vĩnh Trung	NQ 154; 19/12/2023							670			670		670		670			670		
C	DỰ PHÒNG CHI				195.229		195.229	155.493	39.736			39.736	-39.736			195.229		195.229	195.229				